

만

chỉ, mỗi

Loại bỏ mọi thứ khác ra khỏi bức tranh. Chỉ có một dạng cho mọi danh từ, và nó đứng ở cùng vị trí với 도 — hai tiểu từ này hoàn toàn trái ngược nhau.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Mọi danh từ	만 — không biến đổi	저만 / 물만
Thay cho 이/가	hoặc giữ lại	저만 / 저만이 (trang trọng)
Thay cho 을/를	hoặc giữ lại	물만 / 물만을 (văn viết)
Sau 에, 에서, 한 테	gắn chồng lên	집에서만
Với số từ	chỉ, vồn vẹn	하나만 주세요
Không bao giờ đi với 은/는, 도	chọn một trong hai	저만 — không phải 저는만, không phải 저도만

Khi nào dùng

만 mang nghĩa giới hạn. 물만 주세요 là xin nước và không gì khác. Khác với 도, nó không cần ngữ cảnh trước đó — bạn có thể mở đầu cuộc hội thoại bằng nó.

Nó thường thay thế 이/가 và 을/를, nhưng khác với 도, nó cũng có thể giữ lại chúng: 물만을 마셨어요 vẫn đúng ngữ pháp, nhấn mạnh hơn và chủ yếu dùng trong văn viết. Khi nói, hãy bỏ chúng đi.

Có hai hình thức trông giống nhưng không phải tiểu từ này. -기만 하다 nghĩa là “chẳng làm gì ngoài,” còn 한 시간 만에 nghĩa là “sau khoảng một tiếng.” Cả hai đều không mang nghĩa “chỉ” như ở đây.

Ví dụ trong câu

- 1

저는 물만 마셔요.
Tôi chỉ uống nước.
- 2

한 사람만 왔어요.
Chỉ có một người đến.
- 3

주말에만 운동해요.
Tôi chỉ tập thể dục vào cuối tuần.
- 4

동생은 게임만 해요.
Em tôi chẳng làm gì ngoài chơi game.
- 5

이것만 주세요.
Cho tôi chỉ cái này thôi.
- 6

십 분만 기다려 주세요.
Xin hãy đợi chỉ mười phút thôi.

So sánh với

도
Cùng vị trí, chức năng ngược nhau. 도 gộp danh từ vào cùng mọi thứ khác; 만 loại bỏ mọi thứ khác. Đổi cái này sang cái kia sẽ đảo ngược nghĩa mà không cần thay đổi phần còn lại của câu.
저도 갈게요. (tôi cũng sẽ đi) / 저만 갈게요. (chỉ mình tôi sẽ đi)

밖에
밖에 cũng có nghĩa “chỉ,” nhưng bắt buộc đi với động từ phủ định và mang sắc thái tiếc nuối — số lượng ít hơn mong đợi. 만 thì trung tính.
물만 있어요. (có nước, và đó là thứ chúng ta có) / 물밖에 없어요. (chẳng có gì ngoài nước — không đủ)

-기만 하다
Khi gắn vào gốc động từ thay vì danh từ, nó có nghĩa chủ ngữ chỉ làm một việc và không gì khác, thường kèm ý phàn nàn.
동생은 먹기만 해요. (em tôi chẳng làm gì ngoài ăn) / 밥만 먹어요. (tôi chỉ ăn cơm)

Lưu ý

- ✗ 저는만 갈게요.

○ 저만 갈게요.

만 không thể kết hợp với 은/는 hoặc 도. Hãy chọn một. Nó có thể gắn chồng sau 에, 에서 và 한테.
- ✗ 물만 없어요.

○ 물밖에 없어요.

Nếu muốn nói “chẳng có gì ngoài nước,” hãy dùng 밖에 với phủ định. 물만 없어요 nói điều ngược lại: nước là thứ duy nhất bị thiếu.
- ✗ 한 시간만에 끝났어요.

○ 한 시간 만에 끝났어요.

만 này là một từ khác có nghĩa “sau khoảng thời gian,” và được viết cách ra. Tiểu từ 만 thì gắn liền, không có khoảng cách.